

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v ly hôn giữa bà O và ông C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Công;

Ông Nguyễn Hữu Tinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang, là kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị O, sinh năm 1977.

- Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1974.

Cùng trú tại: Xóm A, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, bà O và ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị O trình bày: Bà O và ông Trần Văn C kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 01 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống khá hạnh phúc, vì hoàn cảnh gia đình bà O

phải đi làm ăn xa gia đình, sau một thời gian trở về thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C.

Về con chung: Hai người có bốn con, con đầu tên là Trần Thị Thu H, sinh năm 1996; con thứ hai tên là Trần Phương T, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2001; con thứ ba tên là Trần Phương A, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2011 và con thứ tư tên là Trần Ngọc B, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2018. Bà O đề nghị hai con đầu là Trần Thị Thu H và Trần Phương T đã thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết, còn hai con là Trần Phương A và Trần Ngọc B bà đề nghị Tòa án giao cả hai con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn ông Trần Văn C trình bày: Ông nhất trí với lời trình bày của bà O về việc kết hôn, về con chung. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, ông mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu phải ly hôn ông đề nghị hai con H và T đã thành niên, còn hai con A và B thì nhường quyền nuôi con cho bà O. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bà O có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O. Về con chung, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đề nghị của đương sự, giao cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Trần Phương A và Trần Ngọc B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét yêu cầu ly hôn của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn là bà O, bà O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà O.

Bị đơn là ông C không có yêu cầu phản tố, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về hôn nhân: Giữa bà O và ông C kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 01 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định, đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống vợ chồng giữa bà O và ông C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy, vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho bà O ly hôn ông C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Giữa hai người có bốn con chung, tên là Trần Thị Thu H, sinh năm 1996; Trần Phương T, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2001; Trần Phương A, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2011 và Trần Ngọc B, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2018. Đối với hai người con là H và T đã thành niên, bà O và ông C không đề nghị xem xét giải quyết nên Tòa án không giải quyết. Đối với hai con là A và B, bà O và ông C đều có đề nghị là giao cả hai con cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu A có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, hiện tại hai cháu A và B đang được bà O nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, hai cháu là A và B được giao cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Bà O và ông C không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà O có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà O và ông C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị O ly hôn ông Trần Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Trần Thị O trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Trần Phương A, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2011 và Trần Ngọc B, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2018, cho đến khi hai con trưởng thành hoặc khi bà O và ông C có yêu cầu khác.

Ông C không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Bà Trần Thị O phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn mà bà O đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai số AA/2016/0001037 ngày 06 tháng 9 năm 2019, bà O đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà O và ông C có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường